

# AIMS PROJECT

## SOFTWARE REQUIREMENT SPECIFICATION

**Họ và tên: Nguyễn Bá Tuấn**

**Lớp CTTN-CNTT-K63**

1. Use case đặt hàng:

1.1. Mã usecase:

UC001

1.2. Tổng quan:

Use case mô tả quá trình tương tác của người dùng với hệ thống khi người dùng muốn đặt hàng.

1.3. Các tác nhân:

Người dùng

1.4. Tiền điều kiện;

Không

1.5. Luồng sự kiện chính (Thành công):

Bước 1: Khách hàng yêu cầu xem giỏ hàng

Bước 2: Hệ thống kiểm tra lượng hàng còn lại

Bước 3: Hệ thống hiển thị thông tin giỏ hàng

Bước 4: Khách hàng yêu cầu đặt hàng

Bước 5: Hệ thống hiển thị form đặt hàng

Bước 6: Khách hàng điền form và gửi thông tin

Bước 7; Hệ thống tính phí giao hàng

Bước 8: Hệ thống hiển thị hóa đơn đặt hàng

Bước 9: Khách hàng xác nhận đặt hàng

Bước 10: Gọi tới use case thanh toán

Bước 11: Hệ thống xác nhận đặt hàng thành công

Bước 12: Hệ thống xóa giỏ hàng

1.6. Luồng sự kiện thay thế:

STT	Vị trí	Điều kiện	Hành động	Vị trí tiếp tục
1	Bước 2	Nếu không còn đủ hàng trong kho	Hệ thống thông báo mặt hàng đã hết	Bước 1
2	Bước 6	Nếu thông tin nhập vào không hợp lệ	Hệ thống thông báo lỗi xảy ra và yêu cầu người dùng nhập lại	Bước 6
3	Bước 10	Nếu thanh toán không thành công	Hệ thống hiển thị thông báo thanh toán không thành công	Bước 10

#### 1.7. Dữ liệu đầu vào

Dữ liệu đầu vào của thông tin đặt hàng được mô tả như bảng dưới

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1	Tên người nhận		Có	Không chứa ký tự đặc biệt	Nguyen Ba Tuan
2	Số điện thoại	Chuỗi số	Có	Không chứa ký tự nào không phải chữ số	0973415396
3	Tỉnh thành	Chọn theo danh sách	Có		Thanh Hóa
4	Hướng dẫn giao hàng		Không		

#### 1.8. Dữ liệu đầu ra:

Dữ liệu đầu ra của hóa đơn

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Định dạng hiển thị	Ví dụ
1	Tiêu đề	Tên sản phẩm	Chuỗi ký tự	DVD Phim Vượt Ngục
2	Giá	Giá của 1 đơn vị sản phẩm	Có dấu “.” ngăn giữa các số hàng nghìn Số nguyên dương Căn lề phải	123.000
3	Số lượng	Số lượng loại sản phẩm	Số nguyên dương Căn lề phải	3
4	Amount	Tổng tiền của loại sản phẩm	Có dấu “.” ngăn giữa các số hàng nghìn Số nguyên dương Căn lề phải	369.000
5	Tổng tiền sản phẩm	Tổng tiền của tất cả sản phẩm trong giỏ hàng		2.000.000
6	Phí ship	Phí vận chuyển		100.000
7	Tổng thanh toán	Tổng tiền cần phải thanh toán = Tổng tiền sản phẩm + Tiền ship		2.100.000
8	Đơn vị	Đơn vị tiền tệ		VND

#### 1.9. Hậu điều kiện:

Không

## 2. Use case thanh toán:

### 2.1. Mã usecase:

UC002:

### 2.2. Tổng quan:

Mô tả sự tương tác của người dùng và hệ thống trong quá trình thanh toán đơn hàng

### 2.3. Tác nhân:

Người dùng

Ngân hàng

### 2.4. Tiền điều kiện:

Hệ thống đã thực hiện tính tổng chi phí giao hàng

### 2.5. Luồng sự kiện chính:

Bước 1: Hệ thống hiển thị giao diện thanh toán

Bước 2: Khách hàng điền các thông tin và xác nhận giao dịch

Bước 3: Hệ thống yêu cầu ngân hàng xử lý giao dịch

Bước 4: Ngân hàng xử lý giao dịch

Bước 5: Hệ thống lưu lại thông tin thanh toán

### 2.6. Luồng sự kiện thay thế:

STT	Vị trí	Điều kiện	Hành động	Vị trí tiếp tục
1	Bước 2	Thông tin nhập vào không hợp lệ	Yêu cầu khách hàng điền lại thông tin giao dịch	Bước 2
2	Bước 4	Thông tin về thẻ không hợp lệ (VD trong thẻ không còn đủ tiền để thanh toán)	Trở về trạng thái ban đầu	Bước 1

### 2.7. Thông tin đầu vào:

Dữ liệu đầu vào của thông tin thanh toán được mô tả như bảng dưới:

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1	Tên chủ thẻ	Tên của chủ thẻ	Có	Không được chứa các ký tự đặc biệt và chữ số	Nguyen Ba Tuan
2	Số thẻ	Số tài khoản	Có	Chỉ chứa ký tự chữ số	1234567890
3	Tên ngân hàng	Tên ngân hàng phát hành thẻ	Có	Chọn theo danh sách các ngân hàng đối tác	Viettinbank
4	Mã bảo mật	Mã xác thực người dùng	Có	Nhập chính xác mã bảo mật được gửi về SĐT người dùng	XE173@

### 2.8. Thông tin đầu ra:

### 2.9. Hậu điều kiện: Không

### 3. Usecase đặt giao hàng nhanh:

#### 3.1. Mã usecase:

UC003

#### 3.2. Tổng quan:

Mô tả sự tương tác giữa khách hàng và hệ thống khi khách hàng chọn chức năng đặt giao hàng nhanh

#### 3.3. Tác nhân:

Người dùng

#### 3.4. Tiền điều kiện: Không

#### 3.5. Luồng sự kiện chính:

Bước 1: Người dùng chọn chức năng đặt giao hàng nhanh

Bước 2: Hệ thống kiểm tra và hiển thị thông tin về các sản phẩm và địa chỉ có hỗ trợ giao hàng nhanh

Bước 3: Hệ thống hiển thị form giao hàng nhanh

Bước 4: Khách hàng nhập thông tin trên form giao hàng nhanh

#### 3.6. Luồng sự kiện thay thế:

STT	Vị trí	Điều kiện	Hành động	Vị trí tiếp tục
1	Bước 4	Địa chỉ không hỗ trợ giao hàng nhanh	Hiển thị thông báo không hỗ trợ về cho người dùng	Bước 4
2	Bước 4	Thông tin nhập vào không hợp lệ	Thông báo lỗi cho người dùng và yêu cầu nhập lại	Bước 4

#### 3.7. Thông tin đầu vào:

Dữ liệu đầu vào của thông tin giao hàng nhanh

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1	Họ tên		Có	Không chứa ký tự đặc biệt và chữ số	Nguyen Ba Tuan
2	Số điện thoại		Có	Chỉ chứa ký tự chữ số	0973415396
3	Địa chỉ		Có	Chỉ chọn trong danh sách	
4	Chi dẫn giao hàng		Không		

#### 3.8. Thông tin đầu ra:

Dữ liệu đầu ra của hóa đơn

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Định dạng hiển thị	Ví dụ
1	Tiêu đề	Tên sản phẩm	Chuỗi ký tự	DVD Phim Vượt Ngục

2	Giá	Giá của 1 đơn vị sản phẩm	Có dấu “.” ngăn giữa các số hàng nghìn Số nguyên dương Căn lẻ phải	123.000
3	Số lượng	Số lượng loại sản phẩm	Số nguyên dương Căn lẻ phải	3
4	Amount	Tổng tiền của loại sản phẩm	Có dấu “.” ngăn giữa các số hàng nghìn Số nguyên dương Căn lẻ phải	369.000
5	Tổng tiền sản phẩm	Tổng tiền của tất cả sản phẩm trong giỏ hàng		2.000.000
6	Phí ship	Phí vận chuyển		100.000
7	Tổng thanh toán	Tổng tiền cần phải thanh toán = Tổng tiền sản phẩm + Tiền ship		2.100.000
8	Đơn vị	Đơn vị tiền tệ		VND

3.9. Hậu điều kiện:

Không